

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 4 - TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 93/2026/DS-ST

Ngày: 22-7-2026

“V/v Tranh chấp hợp đồng vay
tài sản”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Thúy Hồng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thành Dũng

2. Ông Huỳnh Minh Quân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Cẩm Vân – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 4 - Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Tây Ninh tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Bích Duyên - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 7 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4 - Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 164/2026/TLST-DS, ngày 07 tháng 5 năm 2026 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 83/2026/QĐXXST-DS ngày 15 tháng 6 năm 2026, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Trần Thị Kim T, sinh năm 1980

Địa chỉ: Ấp V, xã M, tỉnh Tây Ninh.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Văn H, sinh năm 1952

Địa chỉ: 1 ấp B, xã T, tỉnh Tây Ninh

(Văn bản ủy quyền ngày 15/12/2025) (có mặt).

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Văn A, sinh năm 1970

Địa chỉ: Ấp B B, xã B, tỉnh Tây Ninh (vắng mặt).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Trần Thị Kim C, sinh năm 1976

Địa chỉ: Ấp V, xã M, tỉnh Tây Ninh (vắng mặt, có đơn xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 13/01/2026, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim T1 và người đại diện theo ủy quyền ông Trần Văn H trình bày:

Bà Trần Thị Kim T không có chồng. Ông Nguyễn Văn A là chồng của bà Trần Thị Kim C, đồng thời là anh rể của bà Trần Thị Kim T.

Do có quan hệ quen biết trong gia đình và cần vốn để xoay sở việc trồng chanh riêng bên đất nhà ông Á nên vào ngày 01/01/2023, ông Nguyễn Văn Á có hỏi vay của bà T số tiền 400.000.000 đồng, thời hạn vay là 12 tháng, kể từ ngày 01/01/2023 đến ngày 01/01/2024. Khi vay, hai bên có lập giấy mượn tiền cùng ngày. Ông Nguyễn Văn Á là người trực tiếp ký tên, ghi rõ họ tên và điểm chỉ tại mục bên mượn tiền. Khi giao kết việc vay tiền, các bên không có thỏa thuận về lãi suất; đồng thời ông Á cũng không cầm cố, thế chấp bất kỳ tài sản nào để bảo đảm cho khoản vay.

Sau khi lập giấy mượn tiền, bà T đã giao đầy đủ số tiền 400.000.000 đồng cho ông Á. Tuy nhiên, từ thời điểm vay cho đến nay, ông Á chưa thanh toán cho bà T bất kỳ khoản tiền nào. Mặc dù khoản vay đã quá thời hạn thanh toán nhưng ông Á vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Bà T đã nhiều lần đôn đốc, nhắc nhở và yêu cầu ông Á thanh toán số tiền đã vay nhưng ông Á vẫn không thực hiện theo yêu cầu. Trước đây, năm 2025, bà T có ủy quyền cho bà Trần Tuyết M khởi kiện ông Nguyễn Văn Á tại Tòa án về khoản vay này, tuy nhiên, bà M đã tự ý rút đơn khởi kiện và tự nhận lại tiền án phí mà không báo cho bà T, bà T sẽ tự yêu cầu và giải quyết riêng đối bà M, không có tranh chấp và yêu cầu gì trong vụ án này.

Nay bà Trần Thị Kim T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Nguyễn Văn Á phải trả cho bà số tiền gốc vay là 400.000.000 đồng; bà T không yêu cầu tính lãi đối với khoản vay nêu trên.

Bà T xác định số tiền cho vay là tài sản riêng của cá nhân bà, không liên quan đến các thành viên khác trong gia đình. Do đây là khoản phục vụ cho công việc riêng của ông Nguyễn Văn Á và ông Á là người trực tiếp vay tiền, nhận tiền và ký giấy mượn tiền nên bà T chỉ yêu cầu cá nhân ông Nguyễn Văn Á có nghĩa vụ thanh toán khoản nợ nêu trên, không yêu cầu bất kỳ cá nhân nào khác liên đới thực hiện nghĩa vụ trả nợ cùng ông Á.

Ngoài các yêu cầu nêu trên, bà T không có ý kiến hay yêu cầu nào khác.

Bị đơn ông Nguyễn Văn Á đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vắng mặt và không cung cấp cho Tòa án bất kỳ văn bản nào nêu ý kiến cũng như tài liệu chứng cứ đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị Kim C trình bày tại bản tự khai ngày 01/6/2026 (tóm tắt): Bà và em Trần Thị Kim T là chị em ruột, ông Nguyễn Văn Á và bà kết hôn năm 2022. Ông Á có thửa đất số 256, tờ bản đồ số 14, diện tích 478m², loại đất ONT là tài sản riêng của ông Á do cha mẹ tặng cho, chưa xác định là tài sản chung, vị trí đất tọa lạc tại xã B, tỉnh Tây Ninh. Vào khoảng năm 2023, ông Á nói là đất quy hoạch, chờ Nhà nước trả tiền, trước mắt trồng chanh. Ông Á hỏi mượn tiền em bà là Trần Thị Kim T, thời gian mượn 12 tháng, thời gian trả là 01 năm. Ngày 01/01/2023, bà T đến nhà bà giao tiền cho ông Á 400.000.000 đồng (bốn trăm triệu đồng). Bà không nhận bất kỳ khoản tiền nào từ ông Á, do vậy bà không liên quan đến khoản tiền này.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng không thành. Các đương sự cam kết

ngoài những chứng cứ đã cung cấp cho Tòa án, thì không yêu cầu Tòa án thu thập thêm chứng cứ và triệu tập thêm những người khác tham gia tố tụng khác.

Tại phiên tòa, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn vắng mặt nên các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ nội dung vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Tây Ninh tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự và những người tham gia tố tụng trong vụ án chấp hành pháp luật kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ Giấy mượn tiền ngày 01/01/2023, lời trình bày của nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, có đủ căn cứ xác định giữa bà Trần Thị Kim T và ông Nguyễn Văn A có xác lập hợp đồng vay tài sản với số tiền 400.000.000 đồng. Đến hạn, ông Nguyễn Văn A không thực hiện nghĩa vụ trả nợ, vi phạm quy định tại Điều 466 Bộ luật Dân sự. Nguyên đơn chỉ yêu cầu cá nhân ông Nguyễn Văn A thanh toán số tiền gốc vay 400.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi và không yêu cầu người khác cùng thực hiện nghĩa vụ; đây là quyền tự định đoạt của đương sự theo Điều 5 Bộ luật Tố tụng dân sự. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; buộc ông Nguyễn Văn A trả cho bà Trần Thị Kim T số tiền 400.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn bà Trần Thị Kim T khởi kiện yêu cầu bị đơn ông Nguyễn Văn A trả số tiền vay 400.000.000 đồng. Do vậy, quan hệ pháp luật trong vụ án được xác định là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo quy định tại Điều 463 Bộ luật Dân sự năm 2015 và khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Do tranh chấp giữa các cá nhân, bị đơn ông Nguyễn Văn A có địa chỉ tại xã B, tỉnh Tây Ninh nên thẩm quyền giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm của Tòa án nhân dân khu vực 4 - Tây Ninh theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về sự có mặt của đương sự: Tại phiên tòa, bị đơn ông Nguyễn Văn A đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan, cũng không có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị Kim C vắng mặt có đơn xin giải quyết vắng mặt. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt họ.

[1.3] Về thời hiệu khởi kiện: Các bên đương sự không yêu cầu áp dụng về thời hiệu nên căn cứ quy định tại Điều 184 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử không áp dụng thời hiệu.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị Kim T về việc yêu cầu ông Nguyễn Văn A phải trả số tiền nợ vay là 400.000.000đồng, thấy rằng:

[2.1] Qua xem xét giấy mượn tiền đề ngày 01/1/2023 do bà T cung cấp thì việc vay tiền giữa bà T và ông A là tự nguyện, các bên tham gia giao dịch có đủ năng lực hành vi dân sự, mục đích và nội dung của hợp đồng không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội, tại mục “bên mượn” có chữ ký và chữ viết của ông Nguyễn Văn A nên có căn cứ thể hiện bị đơn đã nhận khoản tiền vay 400.000.000đồng như nguyên đơn trình bày và hai bên thỏa thuận thời hạn vay là 12 tháng từ ngày 01/01/2023 đến ngày 01/01/2024. Từ đó, có cơ sở xác định hợp đồng vay nêu trên là hợp đồng vay tài sản có kỳ hạn theo quy định tại các Điều 463, Điều 470 Bộ luật Dân sự năm 2015. Từ khi thụ lý vụ án cho đến nay, Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng để bị đơn thực hiện quyền cung cấp chứng cứ và quyền chứng minh của mình nhưng bị đơn vẫn vắng mặt và không cung cấp bất kỳ chứng cứ, tài liệu nào phản bác lại yêu cầu và trình bày của nguyên đơn. Theo khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự quy định: “Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh”, do đó, xác định đây là tình tiết không cần phải chứng minh.

[2.2] Căn cứ Giấy mượn tiền ngày 01/1/2023 nêu trên, bị đơn đã cam kết đến hết ngày 01/01/2024 sẽ hoàn trả đầy đủ số tiền đã vay cho nguyên đơn. Tuy nhiên, ông A không thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận, xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà T. Theo quy định tại Điều 466 Bộ luật Dân sự, bên vay có nghĩa vụ trả đầy đủ tiền vay khi đến hạn. Đến nay, bị đơn vẫn chưa thực hiện nghĩa vụ trả nợ là vi phạm nghĩa vụ đã cam kết. Do đó, bị đơn phải có trách nhiệm trả số tiền còn nợ là 400.000.000đồng cho nguyên đơn.

[2.3] Đối với phạm vi yêu cầu khởi kiện, nguyên đơn bà Trần Thị Kim T xác định số tiền cho vay là tài sản riêng của cá nhân bà; đồng thời xác định ông Nguyễn Văn A là người trực tiếp hỏi vay, ký giấy mượn tiền và nhận số tiền vay. Do đó, bà T chỉ yêu cầu cá nhân ông Nguyễn Văn A có nghĩa vụ hoàn trả số tiền vay là 400.000.000 đồng, không yêu cầu các thành viên khác trong gia đình ông Nguyễn Văn A hoặc bất kỳ cá nhân nào khác cùng thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Căn cứ Điều 5 Bộ luật Tố tụng dân sự, đây là quyền tự định đoạt của đương sự nên Hội đồng xét xử chỉ xem xét, giải quyết trong phạm vi yêu cầu của đương sự.

[2.4] Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn vắng mặt và không cung cấp cho Tòa án bất cứ tài liệu, chứng cứ nào có liên quan đến vụ án hoặc văn bản phản đối yêu cầu khởi kiện và chứng cứ do nguyên đơn đưa ra. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt cho thấy bị đơn đã từ bỏ nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh. Do đó, bị đơn phải chịu hậu quả của việc không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ được quy định tại Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2.5] Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử nhận thấy yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ, phù hợp quy định pháp luật, nên được chấp nhận, buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền vay là 400.000.000 đồng.

[3] Về lãi: Nguyên đơn bà Trần Thị Kim T chỉ yêu cầu ông Nguyễn Văn A trả nợ gốc vay, không yêu cầu tính lãi chậm trả nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Đề nghị của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về án phí: Căn cứ vào Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận. Hoàn trả tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 5, Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 91, Điều 92, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 và Điều 483 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 357, 463, 466 và 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng pháp luật về lãi, lãi suất và phạt vi phạm; Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị Kim T về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” đối với bị đơn ông Nguyễn Văn A.

1. Buộc ông Nguyễn Văn A có nghĩa vụ trả cho bà Trần Thị Kim T số tiền 400.000.000 đồng (Bốn trăm triệu đồng).

2. Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, bên có nghĩa vụ chậm thi hành sẽ phải chịu thêm khoản tiền lãi tính trên số tiền chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác.

3. Về án phí: Buộc ông Nguyễn Văn A phải chịu 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho nguyên đơn bà Trần Thị Kim T số tiền 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0009259 ngày 05/5/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Tây Ninh.

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

5. Về quyền yêu cầu thi hành án dân sự: Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 36 và 72 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 34 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND khu vực 4 - Tây Ninh;
- THADS tỉnh Tây Ninh;
- Các đương sự.
- Lưu HS, lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA**

Phan Thị Thúy Hồng